

Số: 470/2026/QĐST-DS

Gia Lai, ngày 18 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 196/2026/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2026,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C (V)

Địa chỉ: A T, phường C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Đại L, sinh ngày 16/9/1988; CCCD số: 052088006270 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 06/11/2022 - Chức vụ: Phó phòng G; địa chỉ: B Q, xã P, tỉnh Gia Lai. (Văn bản ủy quyền ngày 14/01/2026)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 10/10/1990

CCCD số: 052090010524 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 15/02/2023.

Quê quán: Phường H, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường H, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền thanh toán: Anh **Nguyễn Văn H** phải trả cho **Ngân hàng TMCP C** số tiền 1.059.476.173đ (*Một tỷ không trăm năm mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi ba đồng*) tính đến hết ngày 10/8/2026. (Trong đó: Nợ vốn gốc 950.000.000đ, nợ lãi quá hạn 76.329.252đ, nợ lãi phạt quá hạn gốc là 30.755.023đ và lãi phạt quá hạn lãi 2.391.898đ).

2.2. Về lãi suất: Kể từ ngày 11/8/2026, anh **Nguyễn Văn H** phải tiếp tục trả cho Ngân hàng các khoản nợ lãi, phí phát sinh cho đến khi trả hết nợ vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 6905/2024-HĐCVHM/NHCT542 ngày 27/11/2024 và Giấy nhận nợ số: 869010850904 ngày 29/5/2025.

2.3. Xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp, anh **Nguyễn Văn H** không thanh toán đầy đủ nghĩa vụ nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 589, tờ bản đồ số 11, diện tích 405,9 m² (Trong đó có: 200 m² đất ở và 205,9 m² đất trồng cây lâu năm) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại **tổ dân phố P, phường H, tỉnh Gia Lai** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS04432 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp ngày 21/7/2023 cho ông **Nguyễn Văn H**, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 425/2023/HĐBĐ/NHCT542 ngày 24/11/2023 ký giữa **Ngân hàng TMCP C** và anh **Nguyễn Văn H**, được công chứng tại **Văn phòng C1**, tỉnh Bình Định để thanh toán các khoản nợ của anh **H** cho Ngân hàng.

Trong trường hợp, anh **Nguyễn Văn H** không thanh toán đầy đủ nghĩa vụ nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của anh **Nguyễn Văn H** để Ngân hàng thu hồi nợ.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo thỏa thuận, anh **Nguyễn Văn H** phải chịu 21.892.142 đồng (*Hai mươi một triệu tám trăm chín mươi hai nghìn một trăm bốn mươi hai đồng*) sung vào ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả lại cho **Ngân hàng TMCP C** 20.783.086 đồng (*Hai mươi triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn không trăm tám mươi sáu đồng*) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: 0003980 ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

2.5. Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ hết 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Theo thỏa thuận, anh **Nguyễn Văn H** phải chịu toàn bộ. **Ngân hàng TMCP C** đã nộp tạm ứng đủ và chi phí xong. Do đó, anh **Nguyễn Văn H** phải hoàn trả lại cho **Ngân hàng TMCP C** 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Hồng Hoàng